

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày 30-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: NH CS XH VN; địa chỉ: Số 169, LĐ, quận HM, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải T - Phó Giám đốc Phòng giao dịch NH CS XH huyện VB, thành phố Hải Phòng; ông Tuyên, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Thanh T; nơi cư trú: Cụm 4, thôn NT, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lâm Thị C(tên gọi khác là Lâm Thị T); nơi cư trú: Cụm 4, thôn NT, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh T; nơi cư trú: Cụm 4, thôn NT, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; bà Châm, vắng mặt; ông T, có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là NH CS XH VN do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09-7-2014, NH CS XH Việt Nam, Phòng giao dịch NH CS XH huyện VB, thành phố Hải Phòng có ký hợp đồng tín dụng số 6600000701912694, nội dung: Ngân hàng cho ông Phạm Thanh T, sinh năm 1976, địa chỉ: Cụm 4, thôn NT, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng tiền vay: vợ chồng ông T chăn nuôi lợn nái, xây chuồng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ông Phạm Thanh T rút tiền vay lần đầu theo Hợp đồng tín dụng là ngày 09-7-2014; lãi suất vay: 0,72%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn trả nợ ngày 09-7-2019. Tiền lãi vay được trả định kỳ vào ngày mùng 09 hàng tháng. Sở dĩ ngân hàng cho gia đình ông T vay vốn trên cơ sở báo cáo danh sách đã duyệt của Hội nông dân và UBND xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng ngày 22-6-2014, đối với những gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc đối tượng được vay vốn ngân hàng chính sách. Quá trình thu tiền lãi và nộp tiền lãi của gia đình ông T cũng như những đối tượng vay vốn khác thuộc ngân hàng chính sách, ngân hàng có hợp đồng ủy nhiệm cho tổ trưởng tổ kiểm tra vốn vay của thôn. Tổ trưởng có trách nhiệm thu tiền lãi và nộp về ngân hàng, riêng số tiền gốc người vay phải nộp trực tiếp tại ngân hàng hoặc qua điểm giao dịch đặt tại trụ sở UBND xã. Theo thẻ theo dõi giao dịch tiền vay của ngân hàng thì ông Phạm Thanh T mới thanh toán trả khoản lãi ngân hàng đến ngày 23-5-2019 với số tiền là 9.938.084 đồng. Từ ngày ngày 09-7-2019, ngân hàng đã chuyển số tiền vay gốc sang nợ quá hạn. Dư nợ của ông T tính đến ngày 30-7-2020 bao gồm: Nợ gốc: 30.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 5.900.428 đồng; lãi quá hạn: 824.471 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là: 36.724.899 đồng. Nay ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30-7-2020 là: 36.724.899 đồng, trong đó nợ gốc: 30.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.900.428 đồng; lãi quá hạn 824.471 đồng và lãi phát sinh từ ngày 31-7-2020 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Tại bản tự khai, các biên bản khác và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Thanh T trình bày: Ngày 09-7-2014, ông có ký vay NH CS XH VN, Phòng giao dịch NH CS XH huyện VB, thành phố Hải Phòng số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để ông cùng vợ là Lâm Thị C(tên gọi khác Lâm Thị T) chăn nuôi lợn nái, xây chuồng phát triển kinh tế gia đình, theo hợp đồng tín dụng số 6600000701912694, lãi suất 0,72% tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, thời hạn trả nợ ngày 09-7-2019. Quá trình thanh toán vợ chồng ông đã trả lãi qua tổ trưởng tổ kiểm tra vốn vay theo quy định. Do tin tưởng các cán bộ làm việc tại địa phương nên ngày 10-5-2016, ông đã gửi ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1972; nơi cư trú Cụm 4, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, là tổ trưởng tổ kiểm tra vốn vay số tiền là 30.000.000 đồng, để nhờ ông T1 trả ngân hàng, tuy nhiên ông T1 đã không nộp số tiền này trả ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình

ông thanh toán trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30-7-2020 là 36.724.899 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng, ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, các văn bản khác và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C (tên gọi khác Lâm Thị T) do ông Phạm Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 09-7-2014, ông Phạm Thanh T có vay của NH CS XH VN, Phòng giao dịch NH CS XH huyện VB, thành phố Hải Phòng số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 6600000701912694, lãi suất 0,72% tháng, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ ngày 09-7-2019, mục đích để vợ chồng ông bà chăn nuôi lợn lái, xây chuồng, phát triển kinh tế gia đình. Quá trình thanh toán trả tiền lãi hàng tháng bà là người nộp trực tiếp cho tổ trưởng tổ kiểm tra vốn vay theo quy định. Do tin tưởng các cán bộ đã làm việc tại địa phương nên ngày 10-5-2016, gia đình bà đã gửi trả tiền ngân hàng thông qua ông Nguyễn Đức T1 là tổ trưởng tổ kiểm tra vốn vay số tiền là 30.000.000 đồng, tuy nhiên ông T1 không nộp số tiền này cho ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu gia đình ông bà phải thanh toán trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30-7-2020 là 36.724.899 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 31-7-2020 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng để thu hồi tài sản cho ngân hàng, gia đình bà không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại các văn bản làm việc người làm chứng ông Nguyễn Đức T1 trình bày: Năm 2014, ông được cử làm tổ trưởng tổ kiểm tra vay vốn cụm dân cư số 4, thôn NT, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Giữa ông và Phòng giao dịch NH CS XH huyện VB, thành phố Hải Phòng có hợp đồng ủy nhiệm thu khoản tiền lãi và một số công việc khác theo quy định của ngân hàng. Nhiệm vụ của ông là thu lãi hàng tháng của các hộ vay vốn thuộc ngân hàng chính sách trong địa bàn phụ trách để nộp về ngân hàng theo quy định. Ngày 10-5-2016, ông Phạm Thanh T có gửi ông 30.000.000 đồng để ông trả Ngân hàng giúp, ông đã viết giấy nhận số tiền của ông T. Ngay sau đó, do tin tưởng ông Hà Văn V thời điểm đó là Phó Chủ tịch Hội nông dân của xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng nên ông mang số tiền ông T nộp đưa cho ông Vịnh. Ngoài đưa số tiền của ông T, ông còn đưa 50.000.000 đồng là của gia đình ông cho ông V để nhờ trả ngân hàng. Sau khi bàn giao tiền gửi ông Vịnh, ông chuyển công tác không làm tổ trưởng tổ kiểm tra vốn vay của Cụm 4, thôn NT, xã TH nữa. Ông nhận thấy việc thu số tiền gốc của ông T1 là không đúng chức trách nhiệm vụ của mình. Đến nay số tiền ông đưa cho ông Vịnh, ông V đã không thanh toán trả ngân hàng. Ông V đã sử dụng số tiền này và là người trả lãi khoản vay của ông T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các hoạt động tố tụng khác; Các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với hợp đồng tín dụng: Ngày 09 tháng 7 năm 2014 NH CS XH huyện VB và ông Nguyễn Thanh T ký hợp đồng tín dụng số 6600000701912694 trên cơ sở tự nguyện, việc ký kết hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Mục đích sử dụng khoản vay: Ông T cùng vợ là Lâm Thị C (tên gọi khác Lâm Thị T) chăn nuôi lợn nái, xây chuồng. Quá trình thực hiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH CS XH VN. Buộc ông Phạm Thanh T cùng vợ là Lâm Thị C phải trả nợ NH CS XH VN số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30-7-2020 là 6.724.899 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 5.900.428 đồng; lãi quá hạn: 824.471 đồng; tổng cộng là 6.724.899 đồng và lãi phát sinh từ ngày 31-7-2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 6600000701912694 ngày 09-7-2014 đã ký giữa ngân hàng và ông Phạm Thanh T. Về án phí: NH CS XH VN không phải nộp tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án đã thông báo yêu cầu ngân hàng nộp tạm ứng án phí dân sự là 883.000 đồng. Do đó cần hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Phạm Thanh T cùng vợ là Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Thanh T, cư trú tại cụm 4, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Ông T vay NH CS XH thuộc danh sách đã được duyệt của Hội đồng dân và UBND xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, mục đích vay vốn để vợ chồng ông T chăn nuôi lợn nái, xây chuồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự và người làm chứng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C (tên gọi khác Lâm Thị T) vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thanh T (là chồng), có mặt. Người làm chứng ông Nguyễn Đức T1 vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Châm; ông T1 .

[3] Về pháp luật áp dụng: NH CS XH VN và ông Phạm Thanh T đã ký kết hợp đồng tín dụng ngày 09-7-2014. Các bên đã xác lập giao dịch và thực hiện giao dịch trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

[4] Xét hợp đồng tín dụng số 6600000701912694 ngày 09 tháng 7 năm 2014: Ông Phạm Thanh T thừa nhận là người đã trực tiếp ký hợp đồng tín dụng trên với NH CS XH VN, Phòng giao dịch NH CS XH huyện VB, thành phố Hải Phòng, mục đích vay vốn để ông T cùng vợ là Lâm Thị C chăn nuôi lợn nái, xây chuồng. Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông T đã có sự thỏa T1 thống nhất với nhau bằng văn bản về số tiền vay, lãi suất, phương thức thanh toán, phương thức trả nợ. Quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, hợp đồng tín dụng số 6600000701912694 ngày 09 tháng 7 năm 2014 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Theo thẻ theo dõi giao dịch tiền vay của ngân hàng cung cấp thì ông Phạm Thanh T đã trả lãi ngân hàng đến ngày 23-5-2019 với số tiền là 9.938.084 đồng. Từ ngày 09-7-2019, bên vay đã phát sinh quá hạn khoản vay gốc và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như cam kết. Như vậy vợ chồng ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Từ những phân tích trên, thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T phải trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Phạm Thanh T cùng vợ là Lâm Thị C phải trả cho NH CS XH VN số tiền vay gốc là: 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30-7-2020 là: 6.724.899 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 5.900.428 đồng; lãi quá hạn: 824.471 đồng; tổng cộng là: 36.724.899 đồng và lãi phát sinh từ ngày 31-7-2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Thanh T trình bày: Do tin tưởng ông Nguyễn Đức T1 là tổ trưởng tổ kiểm tra vốn vay nên ông đã đưa cho ông T1 30.000.000 đồng vào ngày 10-5-2016 để nhờ trả nợ ngân hàng. Tuy nhiên ông T1 đã không nộp số tiền này để trả ngân hàng. Do đó quan hệ giữa ông T và ông T1 thuộc về quan hệ pháp luật khác, ông T có quyền khởi kiện ông T1 bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí mà bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 357, 398, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH CS XH VN.

Buộc ông Phạm Thanh T cùng vợ là Lâm Thị C (tên gọi khác Lâm Thị T) phải trả cho NH CS XH VN số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 6600000701912694 ngày 09 tháng 7 năm 2014 với tổng số tiền tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2020 là 36.724.899 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 30.000.000 đồng; lãi trong hạn: 5.900.428 đồng; lãi quá hạn: 824.471 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31-7-2020), ông Phạm Thanh T cùng vợ là Lâm Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa T1 trong Hợp đồng tín dụng số 6600000701912694 ngày 09 tháng 7 năm 2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa T1 về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền lãi, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

NH CS XH VN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho NH CS XH VN số tiền là 883.000 đồng (Tám trăm tám mươi ba nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu số 0008051 ngày 12 tháng 03 năm 2020.

Ông Phạm Thanh T cùng vợ là Lâm Thị C phải chịu 1.836.244 đồng (Một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB,
TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự
huyện VB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

